TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2025/DS - PT

Ngày: 02/01/2025

V/v: "Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Văn Thường**

Ông **Vũ Thanh Liêm**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Phạm Minh Hoàng,** Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Nguyệt Minh**, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 158/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024, về việc: "Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 77/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh L*:* ông Huỳnh T, sinh năm 1953; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1936; địa chỉ: thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L1*:* Bà Nguyễn Thị Kim C2, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn X, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Lê Văn T1 – Văn phòng luật sư Lê Văn T1 và cộng sự. Địa chỉ: A N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1962; địa chỉ: thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng.

3. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969; địa chỉ: thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng.

4. Bà Nguyễn Thị Kim L2, sinh năm 1973; địa chỉ: thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim Y*, ông* Nguyễn Văn H*, bà* Nguyễn Thị Kim L2*:* Bà Nguyễn Thị Kim C2, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn X, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Kim C2, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn X, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1943; địa chỉ: thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.Vắng.

7. Bà Nguyễn Thị Kim L3, sinh năm 1966; địa chỉ: thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.Vắng.

8. Bà Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1969; địa chỉ: tổ dân phố số A, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.Vắng.

9. Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn Q, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng.

10. Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

11. Bà Nguyễn Thị Kim H2, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn M, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng.

12. Bà Hồ Thị B, sinh năm 1948; địa chỉ: thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng.

13. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng.

14. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng.

15. Ông Nguyễn C, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn X, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng.

16. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn X, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng.

17. Bà Nguyễn Thị L4, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn X, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng.

18. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng.

19. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng.

20. Ông Nguyễn M1, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Q, *bà* Nguyễn Thị Kim L3, *bà* Nguyễn Thị Kim T2, *bà* Nguyễn Thị Kim N, *ông* Nguyễn Thanh H1, *bà* Nguyễn Thị Kim H2, *bà* Nguyễn Thị N1*:* ông Nguyễn Thanh L; địa chỉ: thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng. Ông Nguyễn Thanh L ủy quyền lại cho ông Huỳnh T; địa chỉ: G đường A, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

21. Ông Nguyễn Trọng H4, sinh năm 1995; Vắng.

22. Ông Nguyễn Trọng K1, sinh năm 1996;Vắng.

23. Bà Nguyễn Thị Ngọc M2, sinh năm 1997; vắng.

Cùng địa chỉ: thôn Q, xã N, thị xã N, Khánh Hòa.

Ông Nguyễn Trọng H4, *ông* Nguyễn Trọng K1, *bà* Nguyễn Thị Ngọc M2 ủy quyền cho ông Huỳnh T, sinh năm 1953; địa chỉ: G đường A, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

24. Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng.

25. Bà Nguyễn Thị M3, sinh năm 1977; Vắng.

26. Ông Nguyễn Khắc H5, sinh năm 2000; Vắng.

27. Ông Nguyễn Quốc H6, sinh năm 2004; Vắng.

Cùng địa chỉ: thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Do có kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Kim C2, Nguyễn Thị Kim Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông*** Nguyễn Thanh L ***và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông*** Huỳnh T ***trình bày:***

Khi còn sống, ông bà nội của ông Nguyễn Thanh L là ông Nguyễn A và bà Trần Thị D đã tạo lập được tài sản là 01 căn nhà cấp 4 có diện tích khoảng 150m2, trên thửa đất số 373, tờ bản đồ số 22, diện tích 2225m2, tọa lạc tại: Thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh khánh Hòa. Bà Trần Thị D chết năm 1974, ông Nguyễn A chết năm 1992. Trước khi chết, ông A, bà D không để lại di chúc.

Hiện nhà vàđất trên đang do bà Nguyễn Thị L1, là vợ của ông Nguyễn Q1 (con ông Nguyễn A, bà Trần Thị D) quản lý, sử dụng. Năm 1993, bà Nguyễn Thị L1 tự làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không có sự đồng ý của những người cùng hàng thừa kế. Vì vậy, ông Nguyễn Thanh L khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung sau:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00204 QSDĐ/NT-NH ngày 13/6/1997 do Ủy ban nhân dân huyện N (nay là thị xã N) cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L1.

Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản nêu trên của ông A, bà D.

Ông L đề nghị nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật.

Ông A, bà D1 có 06 người con chung gồm:

1. Bà Nguyễn Thị D2, chết năm 1947, chưa có gia đình

2. Bà Nguyễn Thị B1, chết năm 1947, chưa có gia đình

3. Ông Nguyễn C1, chết năm 1946, chết khi còn nhỏ.

4. Ông Nguyễn Q1, chết năm 2001, có 01 vợ và 05 người con.

5. Ông Nguyễn K2, chết năm 2011, có 01 vợ và 06 người con.

6. Ông Nguyễn M4, chết năm 2010, có 01 vợ và 09 người con.

Những người thừa kế hàng thứ nhất của ông Nguyễn Q1***:*** vợ là bà Nguyễn Thị L1 và 05 người con bao gồm các ông bà: Nguyễn Thị Kim O, Nguyễn Thị Kim Y, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Kim C2, Nguyễn Thị Kim L2.

Những người thừa kế hàng thứ nhất của ông Nguyễn K2***:*** vợ là bà Nguyễn Thị Q và 06 người con bao gồm các ông bà: Nguyễn Thị Kim L3, Nguyễn Thị Kim T2, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Thị Kim H2.

Những người thừa kế hàng thứ nhất của ông M4***:*** vợ là bà Hồ Thị B và 09 người con bao gồm các ông bà: Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị N1, Nguyễn T4 (chết ngày 03/12/2018), Nguyễn C, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị L4, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị K, Nguyễn M1.

Những người thừa kế hàng thứ nhất của ông T4 *bao gồm các ông bà:* Nguyễn Trọng H4, Nguyễn Trọng K1, Nguyễn Thị Ngọc M2

**** Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn bà*** Nguyễn Thị L1 ***và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông*** Nguyễn Văn H ***trình bày:***

Bà L1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nguồn gốc đất đang tranh chấp là của ông Nguyễn A, bà Trần Thị D chia cho 03 người con trai là ông Nguyễn M4, Nguyễn K2 và Nguyễn Quang M5 người một mảnh ruộng, trong đó ông Q1 nhận phần mảnh ruộng dưới (phần thửa đất đang tranh chấp hiện nay), ông K2 nhận phần mảnh ruộng giữa, còn ông M4 nhận phần mảnh ruộng trên, việc cho đất này không có giấy tờ. Năm 1971, ông Q1, bà L1 cất nhà trên mảnh đất được cha mẹ cho (hiện nay là nhà bà L1 đang ở) và sinh sống mấy chục năm cho tới nay nhưng không có ai tranh chấp (có người làm chứng là hàng xóm xung quanh sinh sống lâu đời xác nhận việc này). Vì vậy, đây là tài sản riêng của gia đình bà Nguyễn Thị L1 chứ không còn là tài sản của ông Nguyễn A, bà Trần Thị D.

Đối với giấy chứng tử của ông Nguyễn A mà nguyên đơn cung cấp ghi ông Nguyễn A chết năm 1992 là không đúng, ông Nguyễn A đã mất năm 1982 và đã được ông Nguyễn Q1 làm giấy chứng tử từ năm 1982.

Đối với ngôi nhà của ông A, bà D để lại thì hiện nay đã sập toàn bộ không còn dấu tích gì hết, chỉ còn lại cồn đất có tre mọc trên đó.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông** Nguyễn Văn H **trình bày:*** Ông bà nội của ông là ông Nguyễn A và bà Trần Thị D có 03 người con là Nguyễn Q1, Nguyễn K2 và Nguyễn Mười . Ông Nguyễn Q1 và bà Nguyễn Thị L1 có 05 người con gồm: ông H, bà Nguyễn Thị Ngọc O1, bà Nguyễn Thị Kim Y, bà Nguyễn Thị Kim C2 và bà Nguyễn Thị Kim L2. Ngoài ra, ông Q1 không có con riêng, con nuôi nào khác. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và thống nhất với nội dung trình bày của bị đơn. Trên đất đang tranh chấp hiện nay có trồng cây ăn quả và xung quanh là ruộng lúa. Hiện nay, vợ chồng ông và hai con sống chung với bà L1 tại nhà đất này.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà** Nguyễn Thị Kim C2 **và bà** Nguyễn Thị Kim Y **trình bày:*** Các bà thống nhất với nội dung trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Văn H.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông** Nguyễn Khắc H5 **trình bày:***Ông thống nhất với nội dung trình bày của bị đơn và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Thửa đất đang tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị L1 nên ông Nguyễn Thanh L không có quyền yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Ngoài ra, ông Nguyễn An M6 năm 1982 nên theo khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 thì thời hiệu thừa kế đã quá 30 năm nên ông Nguyễn Thanh L không được quyền khởi kiện về thừa kế tài sản và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà** Nguyễn Thị M3 **trình bày:*** Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan các ông, bà Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị Kim L3, Nguyễn Thị Kim T2, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Thị Kim H2, Hồ Thị B, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị N1, Nguyễn C, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị L4,

Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị K, Nguyễn M1, Nguyễn Trọng H4, Nguyễn Trọng K1, Nguyễn Thị Ngọc M2 là ông Huỳnh T trình bày: Các ông, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bằng hiện vật.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan** Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa trình bày:* Ngày 01/4/1997, bà Nguyễn Thị L1 có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất thửa số 373, 329, 330 tờ bản đồ số 22, bản đồ địa chính xã N, thửa số 317, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính xã N, tổng diện tích 4270 m2 và đã được Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã Ninh Thân xác nhận được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 13/6/1997, Ủy ban nhân dân thị xã N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00204 QSDĐ/NT-NH cho bà Nguyễn Thị L1, địa chỉ: Thôn C, xã N, thị xã N. Như vậy, về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị L1 tại thửa đất nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Căn cứ vào Điều 636, Điều 638, Điều 639, Điều 644, Điều 677 và Điều 679 Bộ luật dân sự 1995;

Căn cứ vào các Điều 34, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 287, Điều 288 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 98 Luật đất đai 2013;

Áp dụng Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L.

1. Chia tài sản thừa kế của ông Nguyễn A và bà Trần Thị D là thửa đất 373, tờ bản đồ số 22, diện tích 2.225m2 (Diện tích thực tế theo trích đo địa chính thửa đất do Công ty TNHH Đ1 lập có diện tích 2.151m2), tọa lạc tại: Thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (có sơ đồ trích đo địa chính thửa đất kèm theo) cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật cụ thể như sau:

1.1. Bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị Kim L3, bà Nguyễn Thị Kim L2, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Kim H2 được đồng sở hữu đối với thửa đất 373, tờ bản đồ số 22 thể hiện tại phần A, C theo trích đo địa chính thửa đất, tọa lạc tại: Thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (có sơ đồ trích đo địa chính thửa đất kèm theo)

1.2. Bà Hồ Thị B, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn T4, ông Nguyễn C, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị L4, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn M1 được đồng sở hữu đối với thửa đất 373, tờ bản đồ số 22 thể hiện tại phần A, C theo trích đo địa chính thửa đất, tọa lạc tại: Thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (có sơ đồ trích đo địa chính thửa đất kèm theo)

1.3. Bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Nguyễn Thị Kim Y, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim C2, bà Nguyễn Thị Kim L2 được đồng sở hữu đối với thửa đất 373, tờ bản đồ số 22 được thể hiện tại phần B theo trích đo địa chính thửa đất, tọa lạc tại: Thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (có sơ đồ trích đo địa chính thửa đất kèm theo)

1.4. Bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị Kim L3, bà Nguyễn Thị Kim L2, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Kim H2, bà Hồ Thị B, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn T4, ông Nguyễn C, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị L4, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Minh P liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Nguyễn Thị Kim Y, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim C2, bà Nguyễn Thị Kim L2 tổng số tiền 2.744.400đ (hai triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm đồng).

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã N cấp, số vào sổ 00204 ngày 30/6/1997 cho hộ bà Nguyễn Thị L1 đối với thửa đất 373, tờ bản đồ số 22, diện tích 2.225m2 (Diện tích thực tế theo trích đo địa chính thửa đất do Công ty TNHH Đ1 lập có diện tích 2.151.0m2), tọa lạc tại: Thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí đo đạc, định giá tài sản, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/01/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị L1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Nguyễn Hoàng , Nguyễn Thị Kim C2, Nguyễn Thị Kim Y yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

- Toà án sơ thẩm xác định thửa đất 373, tờ bản đồ số 22, diện tích 2.225m^2 (Diện tích thực tế theo trích đo địa chính thửa đất do Công ty TNHH

Đ1 lập có diện tích 2.151m^2), tọa lạc tại: Thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa là di sản thừa kế của cụ Nguyễn A và cụ Trần Thị D để lại chưa chia, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm (thể hiện tại Biên bản phiên toà và phần nhận định của Bản án sơ thẩm), những người được hưởng tài sản đối với kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn M4, ông Nguyễn K2 được hưởng; gồm các ông bà: Nguyễn Thị Q2, Nguyễn Thị Kim L3, Nguyễn Thị Kim T2, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thị H7, Nguyễn Thị Kim H2hị B, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị N1, Nguyễn T4-chết năm 2018 (Kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông T4, gồm: Nguyễn Trọng H4, Nguyễn Trọng K1, Nguyễn Thị Ngọc M2), Nguyễn C, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị L4, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị K, Nguyễn Minh Đ yêu cầu được nhận hiện vật, tự nguyện nhận đất "Q" và nhận chung thành một khối. Đồng thời thống nhất giao 200m^2 đất thổ cư (T) cho những người được hưởng thừa kế đối với kỷ phần của ông Nguyễn Q1 được hưởng và không yêu cầu thanh toán số tiền chênh lệch khi được nhân 200m^2 đất thổ cư (T) .

Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm lại tuyên: *"1. Chia tài sản thừa kế của ông Nguyễn A và bà Trần Thị D là thửa đất 373, tờ bản đồ số 22, diện tích 2.225m2 (Diện tích thực tế theo trích đo địa chính thửa đất do Công ty TNHH Đ1 lập có diện tích 2.151m2), tọa lạc tại: Thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (có sơ đồ trích đo địa chính thửa đất kèm theo) cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật cụ thể như sau:*

1.1. Bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị Kim L3, bà Nguyễn Thị Kim L2, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Kim H2 được đồng sở hữu đối với thửa đất 373, tờ bản đồ số 22 thể hiện tại phần A, C theo trích đo địa chính thửa đất, tọa lạc tại: Thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (có sơ đồ trích đo địa chính thửa đất kèm theo)

1.2. Bà Hồ Thị B, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn T4, ông Nguyễn C, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị L4, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn M1 được đồng sở hữu đối với thửa đất 373, tờ bản đồ số 22 thể hiện tại phần A, C theo trích đo địa chính thửa đất, tọa lạc tại: Thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (có sơ đồ trích đo địa chính thửa đất kèm theo)

1.3. Bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị Kim O, bà Nguyễn Thị Kim Y, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim C2, bà Nguyễn Thị Kim L2 được đồng sở hữu đối với thửa đất 373, tờ bản đồ số 22 được thể hiện tại phần B theo trích đo địa chính thửa đất, tọa lạc tại: Thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (có sơ đồ trích đo địa chính thửa đất kèm theo)", là không đúng với ý chí của các đương sự tại phiên toà và nội dung nhận định của bản án sơ thẩm; đồng thời không chia diện tích đất cho các thừa kế là loại đất gì; không xác định 200m^2 đất thổ cư giao cho thừa kế nào.

Do không có kháng cáo, kháng nghị về các nội dung trên, cấp phúc thẩm không thể khắc phục, nên cần huỷ án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định pháp luật.

[2]. Do huỷ án sơ thẩm nên không xem xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị L1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Kim C2, Nguyễn Thị Kim Y; cũng như các nội dung yêu cầu của các ông bà Hồ Thị B, Nguyễn Thị M, Nguyễn C, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị L4, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Minh T5 phiên toà phúc thẩm.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Các ông, bà Nguyễn Thị L1, Nguyễn H, Nguyễn Thị Kim C2, Nguyễn Thị Kim Y không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 29/01/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà, về: "Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1936; địa chỉ: thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1962; địa chỉ: thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

3. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969; địa chỉ: thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

4. Bà Nguyễn Thị Kim C2, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn X, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

5. Bà Nguyễn Thị Kim L2, sinh năm 1973; địa chỉ: thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

6. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1943; địa chỉ: thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

7. Bà Nguyễn Thị Kim L3, sinh năm 1966; địa chỉ: thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

8. Bà Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1969; địa chỉ: tổ dân phố số A, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

9. Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn Q, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

10. Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

11. Bà Nguyễn Thị Kim H2, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn M, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

12. Bà Hồ Thị B, sinh năm 1948; địa chỉ: thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

13. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

14. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

15. Ông Nguyễn C, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn X, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

16. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn X, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

17. Bà Nguyễn Thị L4, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn X, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

18. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

19. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

20. Ông Nguyễn M1, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

21. Ông Nguyễn Trọng H4, sinh năm 1995;

22. Ông Nguyễn Trọng K1, sinh năm 1996;

23. Bà Nguyễn Thị Ngọc M2, sinh năm 1997;

Cùng địa chỉ: thôn Q, xã N, thị xã N, Khánh Hòa.

24. Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

25. Bà Nguyễn Thị M3, sinh năm 1977;

26. Ông Nguyễn Khắc H5, sinh năm 2000;

27. Ông Nguyễn Quốc H6, sinh năm 2004;

Cùng địa chỉ: thôn C, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

2. Về án phí. Các ông, bà Nguyễn Thị L1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Kim C2, Nguyễn Thị Kim Y không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả toàn

bộ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim C2, bà Nguyễn Thị Kim Y tại các phiếu thu số 0000416, 0000417, 0000418 ngày 28/3/2024 và phiếu thu số 0000420 ngày 01/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Tào